TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 66CCDD21
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2016-2017

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN			CC2CT32_Cơ học đất (3)		CC2DD54_Đồ án Kết cấu bêtông cốt thép (1)		CC2DD52_Kết cấu bêtông cốt thép (2)		CC2DD42_Máy xây dựng (2)		CC4CT17_Thí nghiệm Cơ học đất (1)		CC2CT62_Thủy lực công trình (2)		CC4CT13_Thực tập Kỹ thuật thi công cơ bản (3)																		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																		285,000
1	66CCDD20082	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	11/10/1997	2.9	F	7.9	B	6.0	C+	5.4	D+	6.3	C+	4.5	D	6.2	C+																	1	15,000
2	66CCDD20180	NGUYỄN TUẤN ANH	26/12/1996	1.8	F	8.4	B+	8.1	B+	5.8	C	6.3	C+	4.2	D	6.2	C+																	1	15,000
3	66CCKT20160	LÊ ĐÌNH DŨNG	30/09/1997	1.8	F	2.3	F	4.7	D	6.5	C+	2.8	F	3.8	F	6.2	C+																	4	60,000
4	66CCDD20190	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	09/03/1993	2.4	F	7.7	B	6.3	C+	6.4	C+	6.6	C+	5.0	D+	7.7	B																	1	15,000
5	66CCDD20071	PHẠM VĂN KHẢI	17/12/1997	2.2	F	2.3	F	5.8	C	0.0	F	0.0	F	2.0	F	6.2	C+																	3	45,000
6	66CCDD20133	DƯƠNG QUANG LƯỢNG	02/05/1997	2.2	F	6.1	C+	4.9	D	4.6	D	6.3	C+	3.6	F	6.2	C+																	2	30,000
7	65CCDD20728	Lê Văn Mạnh	27/01/1996	2.2	F	5.9	C	5.1	D+	6.4	C+	4.9	D			6.5	C+																	1	15,000
8	66CCDD20041	HÀ HOÀI NAM	25/08/1997	2.4	F	5.9	C	6.1	C+	6.4	C+	5.9	C	3.6	F	6.3	C+																	2	30,000
9	66CCDD20114	ĐINH VĂN THỊNH	29/11/1997	1.8	F	6.1	C+	4.9	D	6.5	C+	2.8	F	4.2	D	6.2	C+																	2	30,000
10	66CCDD20178	PHẠM MINH TÍNH	18/03/1997	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F																						
11	64DCDD3146	Vũ Thanh Tùng	05/06/1994	3.1	F	6.1	C+	4.5	D	5.8	C	2.8	F	4.7	D	6.6	C+																	2	30,000

STT	HỌC PHẦN / SINH VIÊN			CC2CT32_Cơ học đất (3)		CC2DD54_Đồ án Kết cấu bêtông cốt thép (1)		CC2DD52_Kết cấu bêtông cốt thép (2)		CC2DD42_Máy xây dựng (2)		CC4CT17_Thí nghiệm Cơ học đất (1)		CC2CT62_Thủy lực công trình (2)		CC4CT13_Thực tập Kỹ thuật thi công cơ bản (3)																		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																		285,000